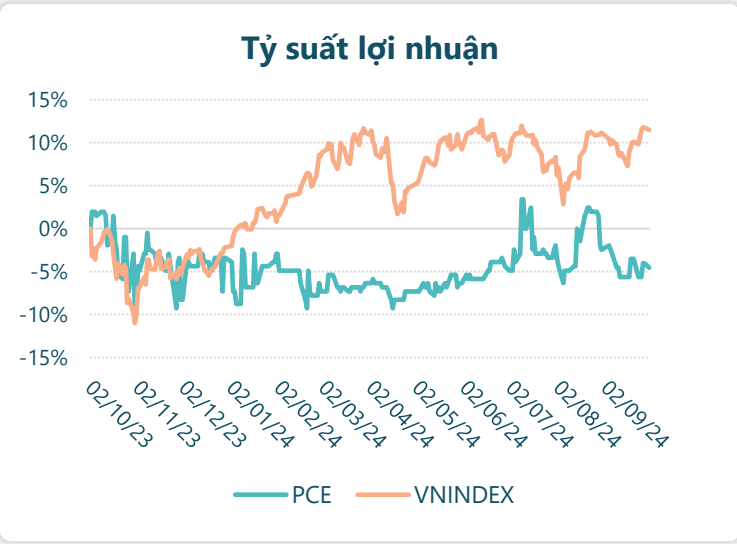


Ngày	18,200 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	0.3%	1.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,304 - 19,723
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,705
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	0.18
EPS	2,520
P/E	7.2



Doanh thu thuần
Q3/24

717

tỷ VNĐ

QoQ: ▼456 | -38.8%

YoY: ▼84.0 | -10.4%

Nợ/VCSH
Q3/24

104%

YoY: +/-▲ 29.3%

LN gộp
Q3/24

13.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.2 | -47.5%

YoY: ▼9.60 | -41.6%

ROE (TTM)
Q3/24

13.4%

YoY: +/-▲ 0.9%

LN trước thuế
Q3/24

6.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.13 | -53.2%

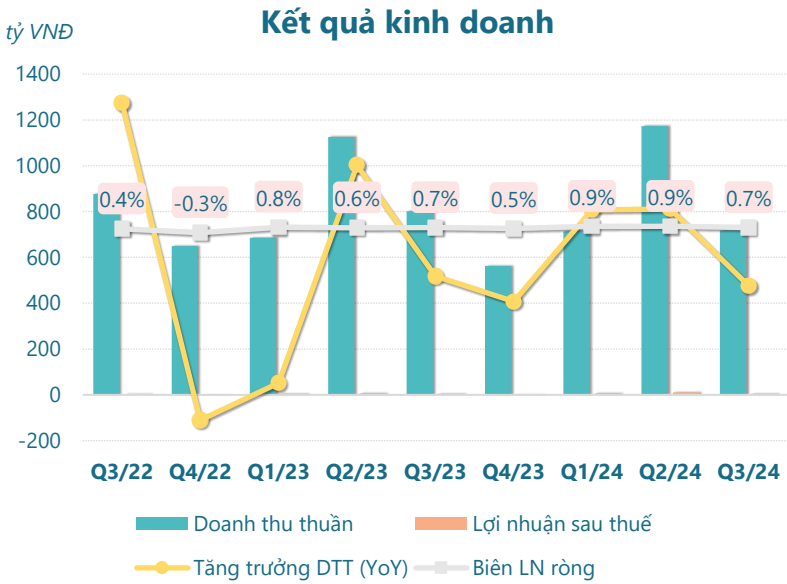
YoY: ▼0.57 | -8.3%

ROA (TTM)
Q3/24

6.5%

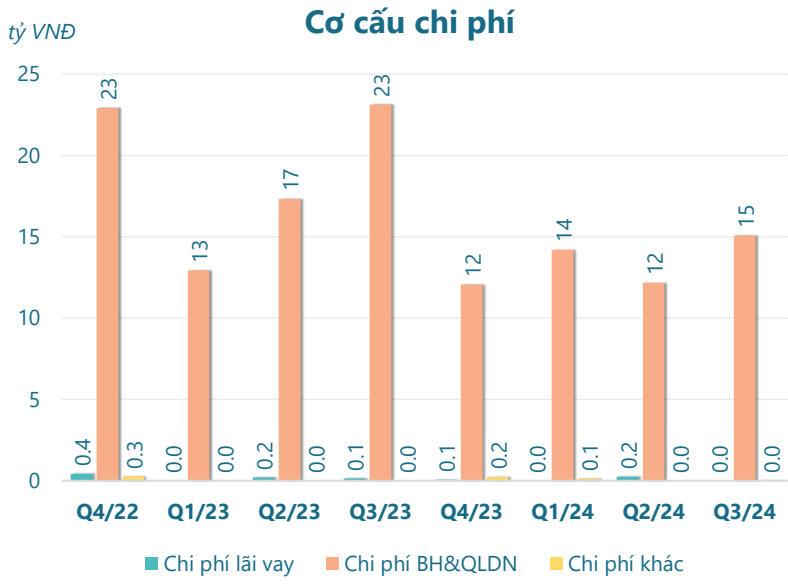
YoY: +/-▼ 1.4%





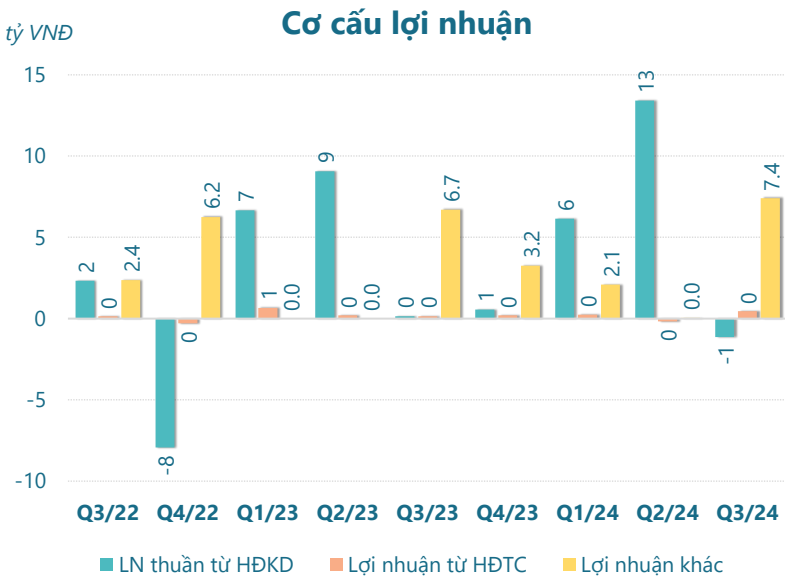
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 108% so với kỳ trước và thấp hơn 853% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.45 tỷ đồng**, tăng thêm 0.61 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 200% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 7.40 tỷ đồng**, tăng thêm 18400% so với kỳ trước và cao hơn 10.4% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PCE** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **717.4 tỷ đồng** giảm đi **10.4%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.02 tỷ đồng, giảm sút 8.23%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,604 tỷ đồng** thấp hơn 0.31% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 22.00 tỷ đồng** cao hơn 22.2% so với cùng kỳ năm trước.



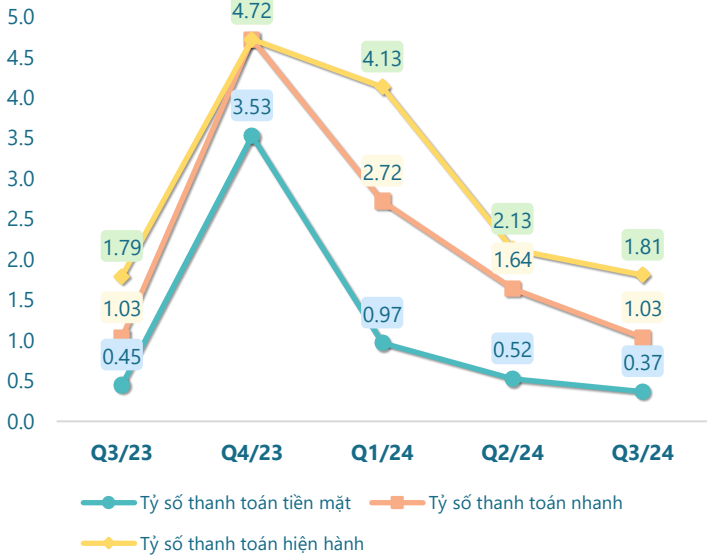
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **15.07 tỷ đồng** tăng thêm 23.9% so với kỳ trước và thấp hơn 34.8% so với cùng kỳ năm trước.

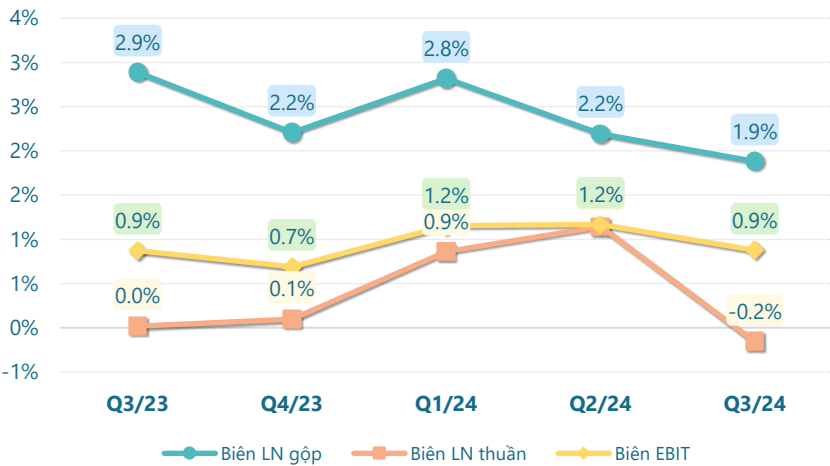
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	717	1,173	-38.8%	801	-10.4%	2,604	2,612	-0.3%
Giá vốn hàng bán	704	1,147	-38.6%	778	-9.5%	2,544	2,543	0.0%
Lợi nhuận gộp	13.5	25.7	-47.5%	23.1	-41.6%	59.3	68.3	-13.1%
Doanh thu HĐTC	0.45	0.08	463%	0.29	55.2%	0.77	1.35	-42.6%
Chi phí TC	0	0.24	-100%	0.14	-100%	0.24	0.34	-29.5%
Chi phí lãi vay	0	0.24	-100%	0.14	-100%	0.24	0.34	-29.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	9.56	7.24	32.0%	16.2	-41.0%	25.9	35.9	-27.8%
Chi phí QLDN	5.51	4.92	12.0%	6.92	-20.3%	15.5	17.5	-11.4%
LN thuần từ HĐKD	-1.13	13.4	-108%	0.15	-854%	18.4	15.9	16.0%
Lợi nhuận khác	7.40	0.04	18400%	6.70	10.4%	9.53	6.70	42.3%
LN trước thuế	6.27	13.4	-53.2%	6.84	-8.3%	28.0	22.6	23.8%
Lợi nhuận sau thuế	5.02	10.8	-53.6%	5.47	-8.3%	22.3	18.1	23.6%
LNST của CĐ cty mẹ	5.02	10.8	-53.6%	5.47	-8.3%	22.3	18.1	23.6%

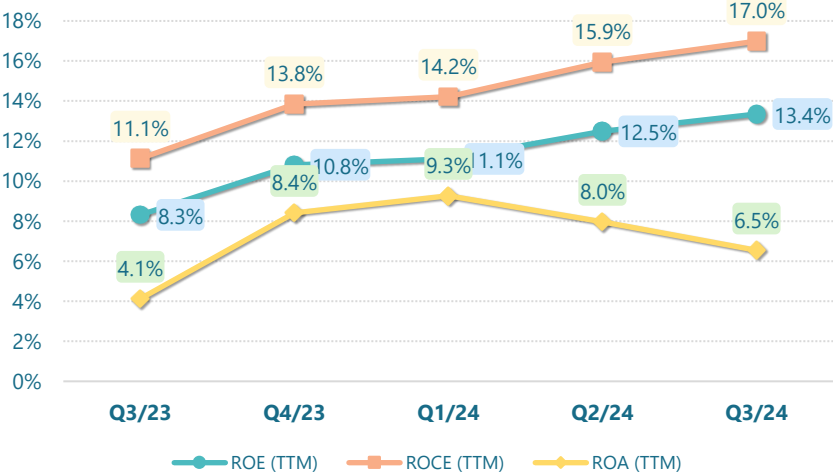
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

